

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2021/DS-ST**

Ngày: 24-11-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Khắc Phong**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Huy Hoàng;**

2. Bà **Dương Thị Tố Như.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Duy Toàn** - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thùy Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị H**, sinh năm: 1988; địa chỉ: Số 187 tỉnh lộ 15, ấp 1, xã Tân Thạnh T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà **Đinh Thị Thu H1**, sinh năm: 1976; địa chỉ: Số 500 đường Trần P, phường N, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Hữu Đ**, sinh năm: 1980; địa chỉ: Tổ 5, phường S, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày: Do có quen biết từ trước nên trong tháng 6/2020 chị H có cho bà **Đinh Thị Thu H1** vay số tiền 200.000.000đ để bà H1 xoay sở công việc kinh doanh của gia đình. Việc vay tiền này thì chồng bà H1 là ông **Nguyễn Hữu Đ** cũng biết. Vào ngày 18/6/2020 chị H đã chuyển chuyển tiền 02 lần, một lần chuyển 30.000.000đ và một lần chuyển 170.000.000đ vào tài khoản số 050104886571 mang tên **Đinh Thị Thu H1** tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (SACOMBANK). Sau khi nhận được tiền thì bà H1 đã viết giấy mượn tiền đề ngày 19/6/2020 giao cho chị H giữ. Hai bên thỏa thuận vay không

có lỗi, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày viết giấy. Tuy nhiên đã quá thời hạn trả nợ đã lâu, mặc dù chị H có đòi tiền nhiều lần nhưng vợ chồng bà H1, ông Đ vẫn không trả nợ cho chị H. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Đinh Thị Thu H1, ông Nguyễn Hữu Đ phải trả số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn trình bày: Bị đơn bà Đinh Thị Thu H1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ trình bày: Ông là chồng của bà Đinh Thị Thu H1, vợ chồng ông bà có đăng ký kết hôn từ năm 2006. Việc chị H cho bà H1 vay mượn tiền như thế nào thì ông không biết, ông không vay tiền, không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ chị H. Đối với số tiền mà bà H1 vay của chị H về sử dụng vào mục đích gì thì ông cũng không biết, bà H1 không nói lại với ông nên ông cũng không sử dụng khoản tiền mà bà H1 đã vay của chị H. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H thì ông không đồng ý, ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn chị Hồ Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Đinh Thị Thu H1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị H về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn bà Đinh Thị Thu H1. Buộc bà H1 có nghĩa vụ thanh toán cho chị H số tiền gốc 200.000.000đ; bác phần yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ cùng có nghĩa vụ với bà Đinh Thị Thu H1 trả 200.000.000đ cho chị Hương. Buộc bà Đinh Thị Thu H1 phải chịu 10.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Hồ Thị H yêu cầu bị đơn bà Đinh Thị Thu H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ phải trả số tiền gốc 200.000.000đ xuất phát từ việc cho vay tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường 2, thành phố Bảo Lộc, nên

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc xác định địa chỉ để tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2020, nguyên đơn chị Hồ Thị H đã ghi địa chỉ của bị đơn là số 500 đường Trần Phú, phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 21/12/2020 Tòa án đã xác minh ông Nguyễn Hữu Hưng là tổ trưởng tổ dân phố 2, phường 2, thành phố Bảo Lộc thì được biết bà Huyền, ông Định có thuê nhà và ở tại địa chỉ số 500 Trần Phú, phường 2, thành phố Bảo Lộc. Như vậy, nguyên đơn chị Hương đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do đó Tòa án thụ lý vụ án theo thủ tục chung. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng, giấy triệu tập theo địa chỉ trong đơn khởi kiện mà nguyên đơn đã ghi để bà H1 đến Tòa án làm việc nhưng bà H1 đều không chấp hành. Ngày 16/4/2021 Tòa án xác minh ông Nguyễn Hữu Hưng là tổ trưởng tổ dân phố 2, phường 2, thành phố Bảo Lộc thì được biết bà H1, ông Đ thuê nhà số 500 Trần Phú, phường 2, thành phố Bảo Lộc từ khi nào thì ông không rõ nhưng đến ngày 10/4/2021 thời hạn thuê nhà đã hết nên bà H1, ông Đ đã trả nhà thuê (số 500 Trần Phú, phường 2, thành phố Bảo Lộc) và chuyển đến địa chỉ nào thì ông không biết. Như vậy, việc bà H1 thay đổi địa chỉ cư trú nhưng không thông báo là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Đinh Thị Thu H1 theo địa chỉ số 500 đường Trần Phú, phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng và tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 08 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn chị Hồ Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Đinh Thị Thu H1 đã được triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hồ Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Đinh Thị Thu H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về việc áp dụng pháp luật nội dung và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ:

[2.1] Về việc áp dụng pháp luật: Các bên đương sự đang tranh chấp số tiền gốc 200.000.000đ xuất phát từ các khoản tiền vay trong khoảng thời gian tháng 6/2020. Như vậy, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp giữa các cá nhân phát sinh trong hoạt động giao dịch dân sự nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết nội dung vụ án.

[2.2] Về nghĩa vụ giao nộp chứng cứ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì: “*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*”. Như vậy, việc cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thuộc trách nhiệm của đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Hồ Thị H về việc buộc bị đơn bà Đinh Thị Thu H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ phải trả số tiền 200.000.000đ thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn xuất trình cho Tòa án bản chính Giấy mượn tiền đề ngày 19/6/2020, số tiền 200.000.000đ, người vay mang tên Đinh Thị Thu H1; bản phô tô Giấy xác nhận thông tin đề ngày 05/12/2020 của Ngân hàng TECHCOMBANK - Chi nhánh Hiệp Phú.

- Tại bản chính Giấy mượn tiền đề ngày 19/6/2020 (thể hiện nội dung bà Huyền có mượn của chị Hương số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng.

- Tại bản phô tô Giấy xác nhận thông tin đề ngày 05/12/2020 của Ngân hàng TECHCOMBANK - Chi nhánh Hiệp Phú thể hiện nội dung Ngân hàng xác nhận vào ngày 18/6/2020 chị Hồ Thị H đã thực hiện giao dịch chuyển tiền 30.000.000đ và ngày 19/6/2020 chị Hương chuyển 170.000.000đ vào tài khoản số 050104886571 mang tên Đinh Thị Thu H1 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (SACOMBANK). Lý do chị H chuyển tiền vào tài khoản bà H1 là chị H cho bà H1 vay 01 tháng.

[3.2] Tòa án đã xác minh Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Phòng giao dịch Bảo Lộc thì Ngân hàng cho biết: Tài khoản số 050104886571 mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, tên chủ tài khoản là Đinh Thị Thu H1, sinh ngày 24/4/1976; địa chỉ thường trú: Số 23 Chi Lăng, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc. Ngày 18/6/2020 tài khoản số 050104886571 được chị Hồ Thị H chuyển đến 30.000.000đ và ngày 19/6/2020 chị H chuyển đến 170.000.000đ, nội dung chuyển tiền là cho vay 01 tháng.

[3.3] Bị đơn bà Đinh Thị Thu H1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Như vậy, bà H1 không phản đối những tình tiết, sự kiện mà chị H đưa ra. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định việc chị H cho bà Huyền vay 200.000.000đ trong tháng 06/2020 là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3.4] Chị H cho rằng việc cho vay, chuyển số tiền 200.000.000đ cho bà Huyền thì ông Nguyễn Hữu Đ cũng biết và mục đích bà H1 vay số tiền này để về xoay sở công việc kinh doanh của gia đình. Tuy nhiên chị H không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời khai này. Trong khi ông Đ không thừa nhận việc này mà ông Đ cho rằng: Việc chị H cho bà H1 vay mượn tiền như thế nào thì ông không biết, ông không vay tiền, không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ chị H. Đối với số tiền mà bà H1 vay của chị H về sử dụng vào mục đích gì thì ông cũng không biết, bà H1 không nói lại với ông nên ông cũng không sử dụng khoản tiền

mà bà H1 đã vay của chị H. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H thì ông không đồng ý cùng có nghĩa vụ trả tiền cho chị H.

[3.5] Mặc dù thời điểm chị H cho bà H1 vay số tiền 200.000.000đ thì quan hệ hôn nhân giữa bà H1 với ông Đ vẫn đang tồn tại. Tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng quy định:

“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.

Tuy nhiên, bà H1 vay 200.000.000đ của chị H không sử dụng vào mục đích thiết yếu của gia đình và cũng không thuộc trường hợp quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích, đánh giá, nhận định nêu trên, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để xác định: Ngày 18/6/2020 chị H đã cho bà H1 vay 30.000.000đ và ngày 19/6/2020 chị H cho bà H1 vay tiếp số tiền 170.000.000đ, giao tiền qua hình thức chuyển khoản, tổng cộng là 200.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng. Đến nay bà H1 chưa trả số tiền đã vay này là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị H, buộc bị đơn bà Đinh Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền gốc 200.000.000đ; bác một phần yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ cùng có nghĩa vụ trả 200.000.000đ cùng với bà Đinh Thị Thu H1 là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí: Buộc bị đơn bà Đinh Thị Thu H1 phải chịu 10.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn chị Hồ Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đối với vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 92, 146, 147, 205, 207, 220; 227, 228, 262, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” của nguyên đơn chị Hồ Thị H đối với bị đơn bà Đinh Thị Thu H1.

Buộc bà Đinh Thị Thu H1 có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hồ Thị H số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị H về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Đ cùng có nghĩa vụ với bị đơn bà Đinh Thị Thu H1 trả số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) cho chị H.

3. Về án phí: Buộc bà Đinh Thị Thu H1 phải chịu 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hồ Thị H và ông Nguyễn Hữu Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị H 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018860 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Bảo Lộc;
- Chi cục THADS thành phố Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ninh Khắc Phong